



# KINH DOANH TRỰC TUYẾN TẠI VIỆT NAM

[www.likonlaw.com](http://www.likonlaw.com)

# CHƯƠNG 8:

# NGÂN HÀNG VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐIỆN TỬ

## 1. Giới thiệu chung

Tài chính - ngân hàng là một trong những lĩnh vực hiện nay có sự tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phát triển (Fintech). Điển hình phải kể đến mô hình Ngân hàng số (Digital Bank) với năng suất tối ưu, đem lại nguồn lợi đáng kể cho kinh tế và sự tiện lợi cho người dùng. Ngân hàng số là hình thức ngân hàng vận hành những hoạt động và dịch vụ ngân hàng bằng hình thức trực tuyến thông qua Internet mà không cần phải đến chi nhánh của ngân hàng và giảm thiểu đến mức tối đa những thủ tục giấy tờ liên quan. Các tính năng của Ngân hàng số được vận hành mà không phụ vào thời gian, không gian nên khách hàng hoàn toàn chủ động khi thực hiện giao dịch liên quan.

Tuy nhiên, hiện nay pháp luật về ngân hàng số tại Việt Nam chưa được quy định cụ thể, điều này đã tạo nên rào cản cho việc quản lý việc xây dựng và vận hành Ngân hàng số (Digital Bank). Sự thiếu vắng khung pháp lý hiện tại sẽ là cơ hội cho những kẻ xấu lợi dụng và thực hiện những hành vi gây thiệt hại cho Nhà nước và cộng đồng, điển hình là những tội phạm công nghệ cao, cũng như làm cho các chủ thể muốn phát triển mô hình ngân hàng này lo ngại, chần chừ trong việc đầu tư.

## 2. Cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng trực tuyến

Cùng với nhịp độ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, các công ty khởi nghiệp tập trung vào ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính tạo nên làn sóng vô cùng mạnh mẽ. Các công ty Fintech có lợi thế là nhắm tới đối tượng khách hàng tiềm năng là người trẻ - những người có cơ hội tiếp cận với công nghệ thông tin và truyền thông. Ngoài ra, công ty Fintech còn có thể giải quyết các vấn đề về thủ tục, chi phí giao dịch trong giao dịch ngân hàng truyền thống cho người dùng. Tuy vậy, vì cơ chế pháp lý hiện nay của nước ta vẫn chưa có quy định cụ thể nên công ty Fintech mới khởi nghiệp thiếu kinh nghiệm trong việc quản lý rủi ro tài chính và an ninh mạng, thiếu nguồn vốn và nền tảng khách hàng ổn định.

Mặc dù sở hữu những ưu điểm vượt trội và cải tiến hơn với mô hình ngân hàng truyền thống nhưng công ty Fintech vẫn tồn tại những hạn chế nhất định. Đặc biệt là trong bối cảnh khuôn khổ pháp lý chưa cụ thể, đồng bộ cho lĩnh vực tài chính nói chung và lĩnh vực tài chính ứng dụng công nghệ nói riêng thì việc các công ty Fintech lựa chọn trở thành đối tác với ngân hàng là điều dễ hiểu. Từ đó có thể xem xét mối tương quan về lợi ích trong cạnh tranh giữa các bên, nếu các bên không hợp tác và đánh giá thế mạnh, điểm yếu của nhau thì cả hai lĩnh vực đều không thể phát triển và cải tiến trong tương lai. Cụ thể, Fintech không thể coi trọng cấu trúc công nghệ mà bỏ qua kinh nghiệm của ngân hàng; ngân hàng sẽ không dễ từ bỏ thế mạnh và hấp nhận mất thị phần bởi Fintech.

Thêm nữa, theo khảo sát của Ngân hàng Nhà nước năm 2018, 72% công ty Fintech lựa chọn hợp tác với các ngân hàng thay vì cạnh tranh, trong khi 14% quyết định chọn cạnh tranh với ngân hàng và 14% còn lại chọn phát triển sản phẩm hoàn toàn mới. Từ kết quả khảo sát cũng có thể thấy số ngân hàng truyền thống kết hợp với công ty Fintech tạo ra tỉ lệ thị phần trong thị trường này lớn hơn hẳn so với những doanh nghiệp có quyết định cạnh tranh. Điều này vô hình chung có thể dẫn đến tình trạng thỏa thuận hạn chế cạnh tranh kìm hãm sự phát triển và có thể loại bỏ những doanh nghiệp Fintech còn lại trong thị trường.

### **3. Dữ liệu thông tin giao dịch trực tuyến của ngân hàng**

#### **3.1 Thiết lập dữ liệu thông tin giao dịch**

Thông tư số 16/2020/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 23/2014/TT-NHNN hướng dẫn về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành đã mở ra nhiều cơ hội phát triển cho ngân hàng số. Điển hình như quy định về chứng từ điện tử, mở thanh toán bằng phương thức điện tử, dịch vụ định danh và xác thực điện tử, v.v..

#### **3.2 Phương pháp eKYC**

Trước đó, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia (đính kèm Quyết định số 149/QĐ-TTg), từ đó cho phép áp dụng quy trình nhận biết khách hàng đơn giản và gián tiếp từ xa bằng phương thức điện tử trực tuyến (Electronic Know Your Customer - eKYC) đối với việc mở tài khoản tại các tổ chức được cấp phép để phục vụ cho nhu cầu thanh toán giá trị nhỏ của cá nhân và doanh nghiệp. Điều này góp phần giúp ngân hàng và tổ chức tài chính xác minh danh tính của khách hàng trực tuyến và đánh giá rủi ro, phát hiện lừa đảo trong mỗi giao dịch, cho dù đó là mở hoặc đăng nhập vào tài khoản, đăng ký vay hoặc thanh toán.

Phương pháp eKYC định danh thông tin khách hàng bằng hình thức trực tuyến, nhờ công nghệ giảm bớt thời gian đăng ký như đơn giản hóa thủ tục đăng ký, giấy tờ, khách hàng không cần thiết có mặt tại phòng giao dịch để đăng ký một cách truyền thống mà có thể đăng ký mọi lúc mọi nơi thông qua thiết bị điện tử có cài đặt ứng dụng của ngân hàng. Hoàn thiện khung pháp lý về eKYC đảm bảo tính an toàn cho hoạt động ngân hàng, giám sát được việc đăng ký tài khoản của khách hàng, giúp ngân hàng xác định danh tính khách hàng khi đăng ký trực tuyến và kiểm soát rủi ro, tránh những chiêu trò lợi dụng nhằm vi phạm pháp luật như gian lận, lừa đảo, giả mạo người khác bằng công nghệ cao.

#### **3.3 Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư**

Khi có nguồn tham chiếu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ngân hàng có thể cung cấp các sản phẩm của ngân hàng số một cách an toàn và Nhà nước cũng dễ thực hiện nhiệm vụ quản lý hơn. Điều này sẽ góp phần giúp việc thiết lập tài khoản của khách hàng được tiến hành một cách minh bạch, giảm thiểu việc sử dụng thông tin giả tạo để đăng ký. Năm 2021, đã có 04 ngân hàng thương mại đầu tiên đã cùng với Bộ Công An ký thỏa thuận khai thác dữ liệu căn cước công dân. Cho đến nay, việc thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cũng như vấn đề về bảo mật dữ liệu cá nhân đang được hoàn thiện và cũng cần có sự học hỏi từ kinh nghiệm quốc tế, ví dụ như châu Âu có quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR), Singapore và Malaysia có đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

### 3.4 Lưu trữ dữ liệu thông tin giao dịch

Theo khoản Điều 26 Luật An ninh mạng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet tại Việt Nam mà có tiến hành thu thập, khai thác, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân thì phải lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam trong thời gian theo quy định của Chính phủ. Quy định trên phù hợp với thông lệ quốc tế bởi đây là vấn đề có ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Ngân hàng Nhà nước có ban hành Thông tư 09/2020/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng, bước đầu hướng dẫn các tổ chức tín dụng sử dụng điện toán đám mây nhưng còn khá chung chung, dễ dẫn đến mỗi đơn vị hiểu theo một cách khác nhau. Hiện nay các ngân hàng nói riêng và doanh nghiệp nói chung phải tốn khoản chi phí rất lớn để xây dựng/thuê trung tâm dữ liệu (DC) và trung tâm dữ liệu dự phòng (DR), nhằm lưu trữ và xử lý dữ liệu.

Nói về Blockchain, công nghệ này lưu trữ thông tin khách hàng, thông tin giao dịch thành một khối dữ liệu liên kết với nhau theo thứ tự nhất định. Hệ thống dữ liệu này được đồng bộ giữa các bên với nhau qua cơ chế đồng thuận trên mạng máy tính mà không cần thông qua các bên trung gian. Theo đó, quy trình giao dịch thực hiện tự động có thể giảm bớt được các thủ tục trung gian, tăng tốc độ giao dịch giữa các bên.

Không những vậy tính năng của công nghệ này cho phép doanh nghiệp giám sát và so sánh dữ liệu gốc với dữ liệu được chỉnh sửa, đảm bảo tính minh bạch, an toàn tuyệt đối cho khách hàng. Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp hay khiếu nại, ngân hàng cũng sẽ có căn cứ để truy vết giao dịch ở độ chính xác cao. Tuy nhiên, bất kỳ hệ thống nào cũng sẽ có lỗi hỏng hay rủi ro, do đó ngân hàng khi sử dụng phải công khai các chính sách bảo đảm quyền lợi cho khách hàng cũng như các chính sách bảo trì và cập nhật hệ thống liên tục. Các chính sách về công nghệ Blockchain của doanh nghiệp, ngân hàng phải đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và những quy định liên quan khác.



## 4. Quy định giám sát kiểm tra hoạt động ngân hàng trực tuyến

Việt Nam hiện nay vẫn chưa có khung pháp lý để điều chỉnh riêng biệt về Ngân hàng số, điều này tạo nên rào cản cho sự phát triển của câu chuyện chuyển đổi số nói chung và lĩnh vực ngân hàng nói riêng. Ví dụ, Ngân hàng Nhà nước đã lập kế hoạch và tổng hợp ý kiến từ các ban, ngành để đưa vào thí điểm cơ chế thử nghiệm kiểm soát Regulatory Sandbox (Sandbox). Cơ chế này được ra đời tại những quốc gia phát triển mạnh mẽ về kinh tế cũng như công nghệ, tiêu biểu là Anh Quốc, Hàn Quốc, Singapore, và được sử dụng để thí điểm cho các hoạt động sử dụng ứng dụng công nghệ, mô hình kinh tế mới, đặc biệt là lĩnh vực Fintech. Điểm sáng của Sandbox là tạo nên một không gian để cơ quan quản lý Nhà nước thí điểm các nguyên tắc pháp lý đối với những hoạt động, dịch vụ ngân hàng số và cải tiến nhiều lần cho đến khi phù hợp nhất, từ đó hạn chế đi phần nhiều sai sót trong quá trình ban hành quy phạm pháp luật trong tương lai sau thử nghiệm. Nói thêm về thời gian thử nghiệm dự kiến của Sandbox là từ 01 đến 02 năm, chưa kể thời gian gia hạn, sau đó dựa trên kết quả thu được để đưa ra dự thảo về luật pháp. Có thể thấy đây là những bước đi hết sức thận trọng của cơ quan quản lý Nhà nước, bởi vì vấn đề vận dụng kỹ thuật số sẽ đi kèm với những rủi ro về an ninh mạng, an ninh thông tin. Tuy nhiên, một số chuyên gia cho rằng tổng thời gian từ lúc thử nghiệm đến bước ban hành ra một quy định pháp luật là quá dài so với tốc độ phát triển xu hướng này.

Theo Quyết định số 810/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước phê duyệt “Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” nhấn mạnh chuyển đổi số ngân hàng không phải là sự lựa chọn mà là bước cải tiến cần phải có để giúp lĩnh vực ngân hàng của Việt Nam có sức cạnh tranh và phát triển trong thời đại công nghệ tiên tiến hiện nay cũng như trong tương lai. Việc xây dựng khung pháp lý về Ngân hàng số phải đồng bộ các quy định pháp luật hiện hành điều chỉnh giao dịch điện tử; chữ ký, chứng từ điện tử; định danh, quản lý và bảo mật thông tin khách hàng; v.v.. cùng với thực tiễn ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng. Tiếp đó, phải ban hành những quy định mới cho việc vận hành Ngân hàng số, bảo vệ người tiêu dùng được xem là trung tâm như về thông tin cá nhân, quyền riêng tư trên nền tảng mạng điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia cũng phải được hoàn thành nhanh chóng và giao cho ngân hàng công cụ để đối chiếu, xác thực thông tin của khách hàng khi sử dụng dịch vụ tài chính, và những quy định liên quan khác.

## 5. Cho vay trực tuyến

Cho vay là hoạt động ngân hàng đặc thù và các tổ chức muốn thực hiện nghiệp vụ này phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Đặc biệt, khi hoạt động này được diễn ra trên môi trường mạng thì cần tuân thủ nghiêm ngặt hơn các quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin mạng, các quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên internet; quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng; và nhiều quy định pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực ngân hàng khác có liên quan.

Hoạt động cho vay trực tuyến của ngân hàng số được vận hành dựa trên việc khách hàng tạo lập tài khoản tại hệ thống ngân hàng đó, từ đó đăng ký vay và thực hiện các thủ tục kèm theo. Do đó, việc yêu cầu về tính xác thực thông tin của khách hàng để ngân hàng có thể đảm bảo sự hoàn trả cho khoản vay là vô cùng cần thiết. Ngoài ra, các ngân hàng có mức độ ứng dụng công nghệ cao đã triển khai cho vay trực tuyến thì cũng có nhiều tổ chức

nắm bắt được sự phát triển và phổ biến của internet nên đã bỏ qua việc thiếu vắng quy định quản lý của Nhà nước để thực hiện hoạt động cho vay trực tuyến. Hoạt động cho vay trực tuyến không được thực hiện từ các tổ chức tín dụng mà là giao dịch giữa các tổ chức, cá nhân thông qua việc sử dụng kết nối dựa trên ứng dụng công nghệ tiềm ẩn rất nhiều rủi ro và tạo ra nhiều cơ hội cho kẻ xấu lợi dụng tạo nên các chiêu trò lừa đảo và lập “tín dụng đen”. Trên không gian mạng internet, người dùng có thể dễ dàng bắt gặp những thông tin quảng cáo về cho vay trực tuyến với thủ tục đơn giản và không phải thực hiện nhiều thủ tục cam kết tài chính. Theo đó, cho vay trực tuyến tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các bên tham gia, có thể gây mất ổn định kinh tế - xã hội do bên vay không trả được nợ, và có thể biến tướng thành huy động tài chính đa cấp.